

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
 Mã số thuế: 0309532497
 Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P.Cát Lái, Tp. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
Mẫu số B 01 - DN
 (Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
 DN: CN=, L=Cảng Tân Cảng - Cát Lái, Phường Cát Lái, Thành Phố
 Hồ Chí Minh, C=VN
 OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0309532497, O=CÔNG TY CỔ
 PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG, E=evanttt@caigangexport.com.vn,
 CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
 Reason: I am the author of this document
 Location: K-KD12345
 Date: 2025.10.29 15:30:25
 Foxit Reader Version: 9.6.0

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/9/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		544.383.382.923	449.451.040.505
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	57.831.769.376	80.797.575.111
1.Tiền	111		54.831.769.376	45.797.575.111
2.Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	35.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	187.900.000.000	160.500.000.000
1.Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		187.900.000.000	160.500.000.000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		282.079.721.944	186.418.139.117
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	267.421.333.282	178.600.133.085
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	9.316.668.185	2.355.896.553
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	12.549.902.511	12.648.157.229
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(7.208.182.034)	(7.186.047.750)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.Hàng tồn kho	140		7.383.877.383	7.801.558.466
1.Hàng tồn kho	141	V.7	7.383.877.383	7.801.558.466
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		9.188.014.220	13.933.767.811
1.Chỉ phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	9.140.699.656	11.884.210.755
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.998.393.788
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	47.314.564	51.163.268
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		185.614.742.934	204.046.732.544
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		17.000.000.000	16.000.000.000
1.Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	17.000.000.000	16.000.000.000
7.Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.Tài sản cố định	220		132.831.688.779	155.712.062.330
1.Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	121.120.860.189	141.648.955.350
- Nguyên giá	222		775.921.228.628	770.361.250.328
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(654.800.368.439)	(628.712.294.978)
2.Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/9/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1	2	3	4	5
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.710.828.590	14.063.106.980
- Nguyên giá	228		35.854.119.975	32.697.642.875
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(24.143.291.385)	(18.634.535.895)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		51.412.844	51.412.844
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		51.412.844	51.412.844
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.422.371.355	6.249.834.882
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	5.422.371.355	6.249.834.882
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác			30.309.269.956	26.033.422.488
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	19.597.391.459	25.058.267.352
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	10.711.878.497	975.155.136
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		729.998.125.857	653.497.773.049
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/9/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		330.262.702.678	281.335.344.376
I. Nợ ngắn hạn	310		317.289.489.697	266.703.531.395
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	80.408.030.675	97.299.619.998
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.202.150	45.282.683
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	26.290.548.532	17.041.632.796
4. Phải trả người lao động	314		81.939.050.488	67.593.754.193
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	66.136.420.687	9.993.622.553
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	23.726.114.355	13.469.846.077
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	4.539.095.144	9.766.555.768
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	34.050.027.666	51.493.217.327
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12.973.212.981	14.631.812.981
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	8.707.612.981	8.766.612.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	4.265.600.000	5.865.200.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/9/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1	2	3	4	5
13.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		399.735.423.179	372.162.428.673
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.18	399.735.423.179	372.162.428.673
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5.Cổ phiếu quỹ	415			
6.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.Quỹ đầu tư phát triển	418		118.940.743.302	91.492.025.332
9.Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		49.295.283.099	49.118.115.347
a.LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.111.579.032	49.118.115.347
b.LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.183.704.067	
12.Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13.Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		31.589.196.778	31.642.087.994
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.Nguồn kinh phí	432			
2.Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		729.998.125.857	653.497.773.049

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Ngày 27 tháng 10 năm 2025

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

CTY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Mã số thuế : **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P. Cát Lái, Tp. HCM

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo TT202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 Năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	311.271.084.288	268.615.772.067	882.847.593.381	780.083.163.255
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		311.271.084.288	268.615.772.067	882.847.593.381	780.083.163.255
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	243.845.817.088	209.679.681.584	684.187.778.773	600.476.457.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		67.425.267.200	58.936.090.483	198.659.814.608	179.606.706.053
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.028.087.364	783.015.115	5.897.609.578	5.025.885.911
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	244.324.181	422.468.991	705.364.265	1.257.652.049
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		174.071.241	369.920.348	608.384.663	1.175.067.120
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(41.580.475,0)	(349.975.689)	(827.463.527)	48.650.945
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	10.471.423.638	9.106.694.327	27.397.047.132	28.075.320.419
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.255.227.053	13.090.611.345	54.989.996.006	48.476.485.678
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(25+26)+24}	30		42.440.799.217	36.749.355.247	120.637.553.256	106.871.784.764
12. Thu nhập khác	31	VI.7	117.880.859	102.106.547	326.656.834	286.802.699
13. Chi phí khác	32	VI.8	181.118.179	534.581.291	404.858.604	829.653.718
14. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		(63.237.320)	(432.474.744)	(78.201.770)	(542.851.019)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		42.377.561.897	36.316.880.503	120.559.351.486	106.328.933.745
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		7.493.421.324	7.721.471.846	33.345.901.824	31.257.171.349

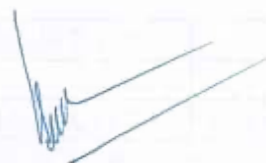
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-	-	(9.736.723.361)	(9.062.359.345)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51-52)	60		34.884.140.573	28.595.408.657	96.950.173.023	84.134.121.741
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty Mẹ	61		33.081.835.935	26.930.815.826	91.756.457.014	79.694.329.942
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.802.304.638	1.664.592.831	5.193.716.009	4.439.791.799
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	1.225	1.041	3.267	2.583
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.10	1.225	1.041	3.267	2.583

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Ngày 27 tháng 10 năm 2025

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	120.559.351.486	106.328.933.745
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	27.706.768.574	26.418.158.663
-	Các khoản dự phòng	03	22.134.284	136.052.473
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(73.093.461)	26.442.164
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.488.165.489)	(5.074.536.856)
-	Chi phí lãi vay	06	608.384.663	1.175.067.120
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	144.335.380.057	129.010.117.309
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(86.957.125.216)	(171.660.963.562)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	417.681.083	91.766.408
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	54.327.834.979	68.857.329.641
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.204.386.992	(504.534.005)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(626.063.008)	(1.191.746.634)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.289.409.731)	(23.148.554.872)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	24.000.000	5.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(36.675.022.178)	(43.855.804.810)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.761.662.978	(42.397.390.526)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.302.455.570)	(18.672.690.437)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(226.900.000.000)	(231.500.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	199.500.000.000	227.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.600.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.716.363.538	6.647.017.405
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.986.092.032)	(20.125.673.032)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp	31		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu,	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	0
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.827.060.624)	(12.663.561.654)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.993.362.500)	(38.133.733.500)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(46.820.423.124)	(50.797.295.154)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(23.044.852.178)	(113.320.358.712)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	80.797.575.111	151.338.088.714
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	79.046.443	(57.019.283)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	57.831.769.376	37.960.710.719

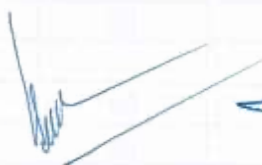
Ngày 27 tháng 10 năm 2025

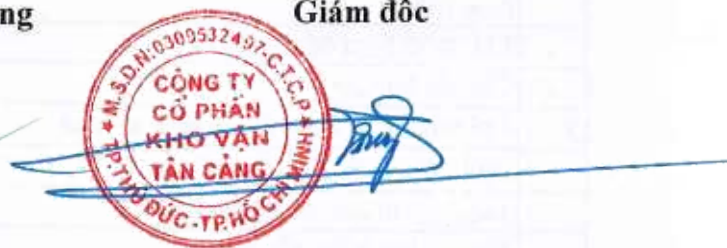
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	9B Tú Xương, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	Số 1295B, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36,00%	36,00%	36,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty có 690 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 672 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các công ty con khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của nhóm Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng được dự trữ để phục vụ thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, được bảo quản ở tình trạng tốt và không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm bao gồm chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí theo thời gian trên giấy chứng nhận bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu nhóm Công ty được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí nhóm Công ty phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.063.685.033	1.219.447.162
Tiền gửi ngân hàng	53.768.084.343	44.578.127.949
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	3.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	57.831.769.376	80.797.575.111

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 – 9 tháng, lãi suất từ 4,1% - 5,2%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	3.600.000.000	394.200.613	3.994.200.613	3.600.000.000	22.687.705	3.622.687.705
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	3.600.000.000	(2.171.829.258)	1.428.170.742	3.600.000.000	(972.852.823)	2.627.147.177
Cộng	7.200.000.000	(1.777.628.645)	5.422.371.355	7.200.000.000	(950.165.118)	6.249.834.882

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	360.000	36,00%	360.000	40%
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	360.000	36,00%	-	-

Giá trị phần sở hữu của Nhóm Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong kỳ	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	3.622.687.705		371.512.908	3.994.200.613
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	2.627.147.177		(1.198.976.435)	1.428.170.742
Cộng	6.249.834.882		(827.463.527)	5.422.371.355

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	204.061.434.308	116.215.604.233
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	192.809.281.315	112.872.565.152
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	69.738.747	516.390.332
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		168.412.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	158.353.000	78.616.926
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	652.079.920	1.485.668.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	72.208.660	112.327.560
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	496.168.056	220.431.366
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	4.306.360	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước		29.376.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước		351.000
Công ty Cổ phần Trục vớt và Nạo vét Tân Cảng	5.773.226.400	731.465.897
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	1.844.154.650	
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	2.134.458.000	
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Sóng Thần	47.459.200	
Phải thu các khách hàng khác	63.359.898.974	62.384.528.852
Cộng	267.421.333.282	178.600.133.085

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	1.464.160.432	796.857.600
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	1.464.160.432	796.857.600
Trả trước cho người bán khác	7.852.507.753	1.559.038.953
Các nhà cung cấp khác	7.852.507.753	1.559.038.953
Cộng	9.316.668.185	2.355.896.553

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	1.028.903.139		3.045.625.588	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Các khoản chi hộ	845.980.739		2.310.047.841	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Các khoản chi hộ	182.922.400		716.967.443	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân cảng Thạnh Phước - Các khoản chi hộ			18.610.304	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	11.520.999.372		9.602.531.641	(376.164.446)
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	460.021.917		1.860.756.439	-
Ký cược, ký quỹ	460.000.000		345.000.000	-
Tạm ứng	5.605.751.854		3.678.148.837	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản chi hộ	4.540.994.216		2.990.752.399	(376.164.446)
Các khoản phải thu khác	395.338.070		727.873.966	-
Cộng	12.549.902.511		12.648.157.229	(376.164.446)

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hiệp Lực – Đặt cọc tiền thuê đất	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hai Hai Mười Hai - Đặt cọc tiền thuê đất	2.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Cộng	17.000.000.000	-	16.000.000.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	Trên 3 năm	2.972.614.417	(2.972.614.417)	Trên 3 năm	2.972.614.417	(2.972.614.417)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Trung Phát	Trên 3 năm	1.214.976.609	(1.214.976.609)	Trên 3 năm	1.214.976.609	(1.214.976.609)
Các khách hàng khác		3.143.000.921	(3.020.591.008)		3.101.825.498	(2.998.456.724)
Cộng		7.330.591.947	(7.208.182.034)		7.289.416.524	(7.186.047.750)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.186.047.750	6.972.446.503
Trích lập dự phòng bổ sung	72.134.284	496.397.673
Hoàn nhập dự phòng	(50.000.000)	(360.345.200)
Số cuối kỳ	7.208.182.034	7.108.498.976

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.829.657.014	6.874.878.216
Công cụ, dụng cụ	224.765.224	540.882.144
Hàng hóa	329.455.145	385.798.106
Cộng	7.383.877.383	7.801.558.466

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	799.978.505	1.168.306.509
Chi phí sửa chữa	4.620.401.850	4.903.890.192
Chi phí bảo hiểm	1.955.245.988	5.313.904.334
Các chi phí khác	1.765.073.313	498.109.720
Cộng	9.140.699.656	11.884.210.755

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.698.228.852	3.101.104.462
Chi phí sửa chữa	16.490.773.810	20.200.352.227
Các chi phí khác	1.408.388.797	1.756.810.663
Cộng	19.597.391.459	25.058.267.352

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	172.272.796.361	287.645.064.301	241.429.943.849	7.709.266.577	61.304.179.240	770.361.250.328
Mua trong kỳ		2.972.100.000	1.034.800.000	1.006.936.000	760.732.500	5.774.568.500
Thanh lý nhượng bán		(214.590.200)	-	-	-	(214.590.200)
Số cuối năm	172.272.796.361	290.402.574.101	242.464.743.849	8.716.202.577	62.064.911.740	775.921.228.628
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	49.479.028.911	161.869.016.152	187.763.124.238	2.241.767.052	49.780.494.987	451.133.431.340
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	107.691.201.141	256.565.904.153	206.032.943.424	3.513.709.608	54.908.536.652	628.712.294.978
Khấu hao trong kỳ	6.290.885.289	11.106.209.914	6.016.719.038	1.052.699.840	1.836.149.580	26.302.663.661
Thanh lý nhượng bán		(214.590.200)	-	-	-	(214.590.200)
Số cuối kỳ	113.982.086.430	267.457.523.867	212.049.662.462	4.566.409.448	56.744.686.232	654.800.368.439
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	64.581.595.220	31.079.160.148	35.397.000.425	4.195.556.969	6.395.642.588	141.648.955.350
Số cuối kỳ	58.290.709.931	22.945.050.234	30.415.081.387	4.149.793.129	5.320.225.508	121.120.860.189

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 15.670.552.304 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	32.697.642.875	(18.634.535.895)	14.063.106.980
Mua trong kỳ	3.156.477.100		3.156.477.100
Khấu hao trong kỳ		(5.508.755.490)	(5.508.755.490)
Số cuối kỳ	35.854.119.975	(24.143.291.385)	11.710.828.590

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 9.997.110.930 VND.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	975.155.136	732.080.514
Phát sinh trong năm	10.711.878.497	9.794.439.859
Hoàn nhập trong năm	(975.155.136)	(732.080.514)
Số cuối năm	10.711.878.497	9.794.439.859

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, do phát sinh nhỏ.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	28.212.798.296	29.317.061.059
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	6.189.181.364	2.439.902.740
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	8.712.534.194	9.800.464.964
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	8.645.970.901	8.543.651.200
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	106.977.200	1.052.831.748
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	10.501.920	5.956.200
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	250.316.514	675.015.012
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	826.024.610	1.762.581.060
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	2.693.767.257	3.745.927.376
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước		20.172.240
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	118.704.960	382.151.520
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	584.675.536	504.235.879

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping		7.668.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu		374.727.600
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	29.388.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	2.535.840	1.775.520
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng Cái Mép Thị Vải	18.040.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	15.000.000	
Công ty Cổ phần Mười lăm Tháng ba	9.180.000	
Phải trả các nhà cung cấp khác	52.195.232.379	67.982.558.939
Công ty Cổ phần Hai Hai Mười Hai	13.903.989.431	21.171.448.122
Các nhà cung cấp khác	38.291.242.948	46.811.110.817
Cộng	80.408.030.675	97.299.619.998

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	860.322.149	-	31.887.074.825	(29.239.675.121)	3.507.721.853	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.520.270.731	-	33.345.901.824	(25.289.409.731)	21.576.762.824	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên tham gia BCC	-	-	490.241.106	-	490.241.106	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.661.039.916	38.505.627	12.109.204.578	(14.058.270.449)	715.822.749	34.656.923
Thuế nhà thầu	-	-	313.180.237	(313.180.237)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.657.641	25.130.752	(25.130.752)	-	12.657.641
Cộng	17.041.632.796	51.163.268	78.178.733.322	(68.933.666.290)	26.290.548.532	47.314.564

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm 8 %
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất 10 %

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	45.520.401.712	2.047.162.500
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	41.506.778.193	1.829.144.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	213.409.278	79.769.000
Công ty CP Vận tải Thủy Tân Cảng - Chi phí nâng hạ	12.033.000	408.000
Công ty CP Tân Cảng - Phú Hữu - Chi phí nâng hạ	93.489.000	17.529.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express - Chi phí xếp dỡ	1.658.229.515	89.038.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí nâng hạ, trung chuyển	242.198.450	31.274.500
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí xăng dầu	90.366.166	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng - Chi phí vệ sinh sửa chữa cont	173.756.610	-
Công ty CP Depot Kho vận Tân Cảng - phí trung chuyển	141.040.000	-
Công ty CP Tân Cảng Miền Trung - Phí trung chuyển	2.145.000	-
Công ty Cổ phần Mười lăm tháng ba- Chi phí xếp dỡ	1.386.956.500	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	20.616.018.975	7.946.460.053
Chi phí lãi vay phải trả	10.644.310	28.322.655
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	15.595.336.413	2.728.432.143
Chi phí hoa hồng	1.223.745.506	865.329.783
Chi phí sửa chữa		1.191.173.410
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.786.292.746	3.133.202.062
Cộng	66.136.420.687	9.993.622.553

15. Phải trả khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	10.691.639.730	1.420.066.631
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn - cổ tức	10.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	685.139.730	1.395.800.631
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu - Các khoản thu chi hộ		24.266.000
Công ty Cổ phần DV Tân Cảng Thạnh Phước - Các khoản thu chi hộ	6.500.000	
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	13.034.474.625	12.049.779.446
Kinh phí công đoàn	1.460.057.924	1.371.681.218
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.944.076.367	1.945.105.440

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	1.934.546.593	1.674.152.383
Cổ tức phải trả	2.754.102.220	2.578.118.720
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.941.691.521	4.480.721.685
Cộng	23.726.114.355	13.469.846.077

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.621.612.981	8.621.612.981
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Phải trả về vốn góp hợp tác kinh doanh ^(*)	8.621.612.981	8.621.612.981
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	86.000.000	145.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	86.000.000	145.000.000
Cộng	8.707.612.981	8.766.612.981

(*) Khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh mua cầu khung để cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận sau thuế sẽ được chia cho các bên theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

Là các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

- Khoản vay của Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) vay theo các hợp đồng vay trong năm 2015, 2018, 2023 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất các khoản vay trong năm từ 6,95% - 9,1%/năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực (Công ty con) vay theo các hợp đồng ký kết năm 2019 và năm 2020 để mua các tài sản cố định (xe đầu kéo, cầu gập container), thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất trong kỳ 10,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	4.539.095.144	9.766.555.768
Trên 1 năm đến 5 năm	4.265.600.000	5.865.200.000
Cộng	8.804.695.144	15.631.755.768

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn đến hạn trả	Vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	9.766.555.768	5.865.200.000	15.631.755.768
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	1.599.600.000	(1.599.600.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số tiền vay đã trả	(6.827.060.624)	-	(6.827.060.624)
Số cuối kỳ	<u>4.539.095.144</u>	<u>4.265.600.000</u>	<u>8.804.695.144</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng người quản lý	Cộng
Số đầu năm	20.725.627.467	29.530.089.860	1.237.500.000	51.493.217.327
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	21.211.461.939	6.121.677.486	200.000.000	27.533.139.425
Tăng khác	24.000.000			24.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(28.233.731.399)	(7.203.790.779)	(1.237.500.000)	(36.675.022.178)
Hoàn lại quỹ đã trích năm trước (xem thuyết minh V.18d)		(8.325.306.908)		(8.325.306.908)
Số cuối kỳ	<u>13.727.358.007</u>	<u>20.122.669.659</u>	<u>200.000.000</u>	<u>34.050.027.666</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Kỳ trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm	199.910.200.000	81.594.573.298	50.804.789.417	32.699.635.292	365.009.198.007
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	79.694.329.942	4.439.791.799	84.134.121.741
Chia cổ tức	-	-	(43.980.244.000)	(5.550.000.000)	(49.530.244.000)
Công ty mẹ tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	-	8.133.837.156	(35.547.587.154)		(27.413.749.998)
Công ty con trích các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	(460.000.000)	104.345.912	(319.902.518)	(675.556.606)
Công ty con tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	-	471.201.699	(1.122.759.200)	(550.581.351)	(1.202.138.852)
Số dư cuối kỳ	199.910.200.000	89.739.612.153	49.952.874.917	30.718.943.222	370.321.630.292
Kỳ này					
Số dư đầu năm	199.910.200.000	91.492.025.332	49.118.115.347	31.642.087.994	372.162.428.673
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	91.756.457.014	5.193.716.009	96.950.173.023
Chia cổ tức	-	-	(45.979.346.000)	(4.190.000.000)	(50.169.346.000)
Công ty mẹ trích bổ sung/(hoàn nhập) các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	6.326.204.908	1.999.102.000	-	8.325.306.908
Công ty mẹ tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	-	20.730.007.895	(45.955.858.262)		(25.225.850.367)
Công ty con trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(26.292.315)	(19.433.451)	(45.725.766)
Công ty con tạm trích các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	-	392.505.167	(1.616.894.685)	(1.037.173.774)	(2.261.563.292)
Số dư cuối kỳ	199.910.200.000	118.940.743.302	49.295.283.099	31.589.196.778	399.735.423.179

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
Cộng	199.910.200.000	199.910.200.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Tại Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 như sau:

VND

Phân phối lợi nhuận năm trước

- Chia cổ tức cho các cổ đông : 45.979.346.000
- Trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển : 6.326.204.908
- Hoàn lại quỹ phúc lợi đã tạm trích cao hơn số được duyệt : (8.325.306.908)

Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm nay

- Trích quỹ đầu tư phát triển : 20.730.007.895
- Trích quỹ khen thưởng : 20.180.680.293
- Trích quỹ phúc lợi : 5.045.170.074

Tại Công ty con

Trong năm, Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái đã phân phối lợi nhuận năm 2024 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐTN/2025 ngày 15 tháng 5 năm 2025 như sau:

VND

Phân phối lợi nhuận năm trước

- Chia cổ tức cho các cổ đông : 6.400.000.000
- Trích bổ sung quỹ phúc lợi : 45.725.766

Tạm phân phối lợi nhuận năm nay

- Trích quỹ đầu tư phát triển : 682.617.682
- Trích quỹ khen thưởng : 546.094.146
- Trích quỹ phúc lợi : 546.094.146

Trong năm, Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực đã phân phối lợi nhuận năm 2024 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 35/NQ-ĐHĐCĐ-TCHL-2025 ngày 15 tháng 05 năm 2025 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VND

Phân phối lợi nhuận các năm trước

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	3.000.000.000
-------------------------------	---	---------------

Tạm phân phối lợi nhuận năm nay

• Trích quỹ khen thưởng	:	484.687.500
• Trích quỹ phúc lợi	:	484.687.500
• Trích quỹ thưởng người quản lý	:	200.000.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 506.188,81 USD (số đầu năm là 58.907,78 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	754.982.753	178.773.808
Doanh thu cung cấp dịch vụ	882.222.488.861	779.904.389.447
Cộng	882.847.593.381	780.083.163.255

2. Giá vốn hàng bán**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	751.100.178	166.365.239
Giá vốn cung cấp dịch vụ	683.436.678.595	600.310.091.963
Cộng	684.187.778.773	600.476.457.202

3. Doanh thu hoạt động tài chính**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.315.629.016	4.706.676.309
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	419.090.118	319.209.602
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	162.890.444	
Cộng	5.897.609.578	5.025.885.911

4. Chi phí tài chính**Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	608.384.663	1.175.067.120
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	96.979.602	56.142.765
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		26.442.164
Cộng	705.364.265	1.257.652.049

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.307.465.099	23.245.014.415
Các chi phí khác	7.089.582.033	4.830.306.004
Cộng	27.397.047.132	28.075.320.419

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	16.348.191.791	14.515.260.470
Chi phí vật liệu quản lý	974.075.037	903.542.221
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.025.666.346	2.288.036.688
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.014.070.458	765.415.443
Thuế, phí và lệ phí	216.665.274	145.725.788
Hoàn nhập nợ phải thu khó đòi	52.134.284	136.052.473
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.199.438.216	4.480.393.532
Các chi phí khác	28.159.754.600	25.242.059.063
Cộng	54.989.996.006	48.476.485.678

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bồi thường nhiên liệu	258.080.569	241.865.601
Các khoản thu nhập khác	68.576.265	44.937.098
Cộng	326.656.834	286.802.699

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	85.995.543	433.341.705
Chi phí phải trả thưởng nhiên liệu	279.216.421	237.769.325
Phạt trả nợ trước hạn ngân hàng		15.107.143
Các khoản chi phí khác	39.646.640	143.435.545
Cộng	404.858.604	829.653.718

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: không phát sinh**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	91.756.457.014	79.694.329.942
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	(26.450.239.885)	(28.065.307.498)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
sở hữu cổ phiếu phổ thông		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ người quản lý</i>	<i>(26.450.239.885)</i>	<i>(28.065.307.498)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	65.306.217.129	51.629.022.444
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	19.991.020	19.991.020
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.267	2.583

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.687.056.033	54.903.244.398
Chi phí nhân công	211.708.088.566	191.163.740.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.559.687.457	26.306.556.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	412.912.067.366	340.960.247.678
Chi phí khác	60.956.822.311	63.694.474.232
Cộng	765.823.721.734	677.028.263.298

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng người quản lý	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này						
Hội đồng quản trị						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	522.949.418	154.469.376	163.577.512	72.000.000	912.996.306
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên	-	-	70.312.500	45.000.000	115.312.500

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng người quản lý	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Đoàn Phi	Thành viên	415.482.780	125.022.166	75.000.000	45.000.000	660.504.946
Ông Đỗ Thanh Trường	Thành viên/ Giám đốc	554.942.774	136.883.848	60.937.500	45.000.000	797.764.122
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên	-	20.101.587	108.247.287	45.000.000	173.348.874
Ban kiểm soát						
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	-	-	56.250.000	45.000.000	101.250.000
Bà Đỗ Phương Thảo	Thành viên	-	-	-	12.000.000	12.000.000
Bà Đặng Thùy Trang	Thành viên	-	-	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS (Đến 29/5/2025)	-	-	28.125.000	15.000.000	43.125.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên BKS (Đến 29/5/2025)	-	-	28.125.000	15.000.000	43.125.000
Ban Điều hành						
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	415.343.309	125.022.166	60.937.500	-	601.302.975
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Giám đốc	340.355.786	106.185.123	-	-	446.540.909
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	267.305.354	92.315.734	68.298.193	36.000.000	463.919.281
Cộng		2.516.379.421	760.000.000	761.997.992	387.000.000	4.425.377.413
Kỳ trước						
Hội đồng quản trị						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	485.060.942	99.248.978	80.694.444	32.000.000	697.004.364
Ông Đỗ Thanh Trường	Thành viên/Giám đốc (Từ 25/4/2024)	288.828.781	15.245.942	-	25.000.000	329.074.723
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên/Giám đốc (Đến 25/4/2024)	211.651.568	88.645.892	144.739.541	30.000.000	475.037.001
Ông Đoàn Phi	Thành viên/ Phó Giám đốc	386.988.495	81.971.462	61.481.481	45.000.000	575.441.438
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên	-	-	57.638.889	45.000.000	102.638.889
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên	-	-	57.638.889	35.000.000	92.638.889
Ban kiểm soát						
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	-	-	46.111.111	45.000.000	91.111.111
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên (Từ 25/4/2024)	-	-	-	12.500.000	12.500.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên (Từ 25/4/2024)	-	-	-	12.500.000	12.500.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên (Đến 25/4/2024)	-	-	23.055.556	10.000.000	33.055.556
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên (Đến 25/4/2024)	-	-	23.055.556	10.000.000	33.055.556
Ban Điều hành						
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	382.893.199	79.367.990	49.953.704	-	512.214.893
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	258.197.502	56.519.736	56.343.669	49.500.000	420.560.907
Cộng		2.013.620.487	421.000.000	600.712.840	351.500.000	3.386.833.327

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty cùng Tập đoàn

26